

Trong những năm trước đây khi chúng ta chưa tiến hành đổi mới thì nói chung khi phân tích thống kê người ta thường phân tích trong phạm vi sản xuất mà ít gắn với khâu tiêu thụ sản phẩm. Điều đó cũng dễ hiểu. Bởi vì sản xuất cái gì: trên báo. Sản xuất bao nhiêu: trên nói. Đưa cho ai: trên lo... và ... chính vì vậy giám đốc xí nghiệp chỉ có việc đốc làm sao cho hoàn thành kế hoạch sản xuất. Và hoàn thành là có lương và có thưởng, bất kể những sản phẩm đó vuông hay tròn.

Trong qui trình lập kế hoạch cũng vậy:

Kế hoạch sản xuất → Kế hoạch cung cấp nguyên vật liệu → Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm

Trong phân tích thống kê cũng vậy, người ta chú tập trung chủ ý tới tỷ lệ hoàn thành kế hoạch sản xuất sản phẩm.

Có lẽ chúng ta đều biết, trong nền kinh tế thị trường, dù rằng "có điều tiết" đi chăng nữa thì những vấn đề trên không thể tồn tại, có nghĩa là chúng ta phải mở rộng phạm vi tiếp cận vấn đề, tức là chúng ta phải chú ý tới cả khâu tiêu thụ sản phẩm. Người giám đốc chỉ thờ phào khi sản phẩm đã được tiêu thụ. Bởi vì sản phẩm có bán được mới có tiền, có lương, có thưởng, có tích lũy nếu nhiều lãi. Còn đối với xã hội thì xã hội mới có trong tay cái để sử dụng, ngân sách mới có nguồn thu...

Xuất phát từ ý nghĩa cực kỳ quan trọng của khâu thị trường đối với nhà sản xuất, trong khâu phân tích thống kê nói chung và phân tích thống kê năng suất lao động nói riêng cần phải phân tích được nhân tố "thị trường".

Dưới đây chúng tôi xin trình bày một dạng phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến mức năng suất lao động từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ sản phẩm.

Nếu ta ký hiệu:

Q: Giá trị mới sáng tạo (*)

T: Tổng số công nhân viên trong danh sách bình quân

a: Giá trị sản xuất - (trừ) giá trị C trong giá trị sản xuất

b: Tổng số giờ công làm việc thực tế

c: Tổng số ngày công làm việc thực tế

d: Tổng số công nhân làm việc thực tế bình quân

e: Tổng số công nhân trong danh sách bình quân

g: Giá trị sản lượng hàng hóa sản xuất- (trừ) giá trị C trong giá trị sản lượng hàng hóa sản xuất.

Thì ta có:

$\frac{Q}{T}$: Mức năng suất lao động bình quân một công nhân viên - (W)

$\frac{a}{b}$: Mức năng suất lao động bình quân giờ - (1)

$\frac{b}{c}$: Độ dài bình quân ngày làm việc - (2)

$\frac{c}{d}$: Số ngày làm việc bình quân của 1 công nhân làm việc - (3)

$\frac{d}{e}$: Tỷ trọng số công nhân làm việc chiếm trong tổng số công nhân trong - (4)

$\frac{e}{T}$: Tỷ trọng công nhân trong danh sách chiếm trong tổng số công nhân viên trong danh sách - (5)

$\frac{g}{a}$: Hệ số sản xuất hàng hóa - (6)

$\frac{a}{Q}$: Hệ số tiêu thụ hàng hóa - (7)

Ta có phương trình kinh tế :

$$W = (1) \times (2) \times (3) \times (4) \times (5) \times (6) \times (7)$$

Trong phương trình kinh tế này đáng chú ý hai nhân tố (4) và (7) chỉ rõ tầm quan trọng của vấn đề tiêu thụ sản phẩm:

- Nếu (4) càng gần bằng 1 chứng tỏ xí nghiệp có đủ nguyên vật liệu nên sản xuất đều, mà (7) nhỏ hơn 1 có nghĩa là sản xuất ra không bán được. Hay nói cách khác giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm không giữ được nhịp điệu bình thường.

- Nếu (7) gần bằng 1 mà (4) nhỏ hơn 1 nhiều thì có hai khả năng xảy ra:

+ Một là, do không có đủ nguyên vật liệu nên sản xuất ít và sản xuất ra đến đâu bán được đến đó.

+ Hai là, có đủ nguyên vật liệu nhưng vì sản phẩm không bán được mạnh nên

NGUYỄN THẾ TRUYỀN
ĐHKTP.HCM



sản xuất ít, và vì sản phẩm ít nên vẫn tiêu thụ được.

- Nếu (4) và (7) cùng nhỏ hơn 1 nhiều thì rất nguy hiểm-sản xuất đã ít nhưng vẫn không tiêu thụ được ♣

(*) $Q = (C+V+m)-C$

$C+V+m$: Giá trị sản lượng hàng hóa sản xuất trong kỳ được bán trong kỳ. (Xin xem thêm bài "Một số ý kiến..." của Nguyễn Thế Truyền trong Thông tin-Khoa học thống kê do Khoa thống kê trường ĐHKTP xuất bản tháng 10-1991)